

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi
Dự án Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành II**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 và Nghị quyết số 34/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh năm 2020 và giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị dự án để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành II;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 22/TTr-BQL ngày 23/4/2021, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh tại Tờ trình số 97/TTr-BQLDA ngày 24/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành II, nội dung như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành II.
2. Người quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Phước.
3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước.
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu đầu tư: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành II theo Quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 và Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Việc đầu tư xây dựng Dự án hoàn thành, góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo mỹ quan cho Khu công nghiệp Chơn Thành II, thu hút các nhà đầu tư vào khu Khu công nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội

của tỉnh và tạo việc làm, ổn định cuộc sống cho cộng đồng dân cư.

b) Quy mô xây dựng:

- Hạng mục đường giao thông được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị TCXDVN 104: 2007 với các chỉ tiêu chủ yếu:

- + Cấp công trình: Cấp III.
- + Tổng chiều dài tuyến: 3.654 m.
- + Vận tốc thiết kế: 40 km/h.
- + Công thiết kế vĩnh cửu bằng BTCT, tải trọng thiết kế: HL93.
- + Tải trọng thiết kế: Trục 12 tấn.
- + Kết cấu mặt đường: Cấp cao A1 (Bê tông nhựa).

- Hạng mục thoát nước mặt được thiết kế theo TCVN 7957-2008: Thoát nước – Mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế.

- Công trình gồm 4 tuyến, tổng chiều dài 3.654 m, cụ thể như sau:

+ Tuyến 6:

* Chiều dài tuyến 2.089 m.

* Mặt cắt ngang: Rộng trung bình 75,5 m, trong đó, mặt đường 2×7,0 m, dải phân cách 7,0 m, vỉa hè quy hoạch rộng 2×8,0 m, còn lại là đất trồng cây xanh.

* Chia làm 2 đoạn:

Đoạn 1: Từ đầu tuyến Km 0 + 00 m tới Km 0 + 700 m: Xây dựng mới vỉa hè 2 bên, mỗi bên rộng 8 m, trồng cây xanh, xây dựng bồn cây, hệ thống thoát nước mưa bên phải tuyến. Sử dụng cống tròn Ø120cm. Kết cấu vỉa hè:

- Lát gạch Terrazzo 40x40 cm.
- Lớp bê tông lót đá 4x6 M150, dày 10 cm.
- Đắp nền vỉa hè bằng đất sỏi đỏ, $k \geq 0,95$.
- Nền đất tự nhiên lu lèn $k \geq 0,90$.

Đoạn 2: Từ Km 0 + 700 m đến Km 2 + 089 m: Tháo bỏ mương xây đá hộc hiện hữu, xây dựng mới hệ thống cống hộp BTCT kích thước 200 cm x 200 cm; trồng dặm thêm cây xanh dọc tuyến.

+ Tuyến số 7:

* Chiều dài tuyến 530 m.

* Mặt cắt ngang: Rộng 43 m, trong đó mặt đường 8,0 m, vỉa hè quy hoạch 2 × 8,0 m (bó vỉa 0,55 m, lát gạch rộng 2,45 m), còn lại đất trồng cây xanh bên trái tuyến.

* Xây dựng và làm mới toàn bộ: Hệ thống thoát nước cống BTCT đường kính Ø100 cm, diện chiếu sáng, trồng cây xanh.

* Mặt đường: Mặt đường cấp cao A1 (Bê tông nhựa).

* Chia làm 2 đoạn:

Đoạn 1: Từ Km 0 + 00 tới Km 0 + 100 thảm bê tông nhựa: Làm mặt đường tăng cường trên mặt đường bê tông nhựa hiện hữu. Kết cấu áo đường (KC-02):

- Lớp bê tông nhựa C9,5 dày 5cm, $E \geq 180\text{MPa}$.
- Tưới nhựa nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$.
- Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 7 cm, $E \geq 170\text{MPa}$.
- Tưới nhựa nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$.
- Bù vênh mặt đường bê tông nhựa C12,5, $E \geq 170\text{MPa}$.
- Tưới nhựa nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$.
- Mặt đường bê tông nhựa hiện hữu.

Đoạn 2: Từ Km0+100 đến Km0+530: Phá bỏ toàn bộ áo đường hiện hữu, làm lại áo đường mới. Kết cấu áo đường (KC-01):

- Lớp bê tông nhựa C9,5 dày 5 cm, $E \geq 180\text{MPa}$.
- Tưới nhựa nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$.
- Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 7 cm, $E \geq 170\text{MPa}$.
- Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0\text{kg/m}^2$.
- Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 45 cm, $k \geq 0,98$; $E \geq 160\text{MPa}$.
- Lớp cấp phối sỏi đỏ dày 30 cm, $k \geq 0,98$; $E = 110\text{MPa}$.
- Nền đất tự nhiên lu lèn $k \geq 0,90$.

* Vĩa hè: Lát gạch phân vĩa hè rộng 3m. Kết cấu vĩa hè:

- Lát gạch Terrazzo 40 x 40 cm.
- Lớp bê tông lót đá 4 x 6 M150, dày 10 cm.
- Đắp nền vĩa hè bằng đất sỏi đỏ $k \geq 0,95$.
- Nền đất tự nhiên lu lèn $k \geq 0,90$.

* Hệ thống thoát nước: Cống thoát nước 2 bên dưới vĩa hè, sử dụng cống BTCT Ø100 cm thoát đến cống hộp bên phải tuyến đường số 6.

* Hệ thống điện chiếu sáng: Hệ thống điện chiếu sáng 2 bên bố trí so le khoảng cách 34m/trụ 2 bên tuyến.

* Trồng cây xanh: Trồng cây xanh trên phần đất còn lại 2 bên vĩa hè lề đường, khoảng cách 10m/cây.

+ **Tuyến số 5:**

* Chiều dài tuyến 522 m.



* Mặt cắt ngang: Rộng 24 m, trong đó mặt đường 8,0 m, vỉa hè quy hoạch 2×8,0m.

* Mặt đường: Mặt đường cấp cao A1 (Bê tông nhựa).

Làm mặt đường tăng cường trên mặt đường bê tông nhựa hiện hữu. Kết cấu tăng cường:

- Lốp bê tông nhựa C9,5 dày 5 cm, $E \geq 180\text{MPa}$.
- Tưới nhựa nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$.
- Lốp bê tông nhựa C12,5 dày 7 cm, $E \geq 170\text{MPa}$.
- Tưới nhựa nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$.
- Bù vênh mặt đường bê tông nhựa C12,5, $E \geq 170\text{MPa}$.
- Tưới nhựa nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5\text{kg/m}^2$.
- Mặt đường bê tông nhựa hiện hữu.

* Trồng cây xanh: Trồng cây xanh trên phần đất còn lại bên trong vỉa hè lề đường, khoảng cách 10m/cây.

+ Trồng cây xanh dọc tuyến kênh số 1:

Chiều dài tuyến 513 m, chiều rộng từ 2-4 m. Cắm cọc tiêu bằng bê tông cốt thép khoảng cách 3m/trụ bên ngoài dọc đường đá dăm hiện hữu (dọc bờ mương), trồng cây xanh khu đất từ tường rào hiện hữu đến bờ mương khoảng cách 10m/cây.

+ **Khu đất phía bên phải đầu tuyến số 6 tiếp giáp QL13:** Thiết kế cảnh quan trên diện tích khu đất khoảng 1,05ha.

Hệ thống An toàn giao thông: Thiết kế cọc tiêu, biển báo, vạch sơn kẻ mặt đường tổ chức giao thông trên các tuyến đường được tuân theo đúng quy định quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41: 2019/BGTVT.

5. Tổ chức tư vấn:

- Nhà thầu khảo sát xây dựng và lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Xây dựng Đức Hưng.

- Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH MTV Trường Thành.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm: Khu công nghiệp Chơn Thành II, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Diện tích đất sử dụng: 5,004 ha (thuộc đất hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành II).

7. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế:

a) Nhóm dự án: Nhóm B.

b) Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

c) Cấp công trình: Cấp III.

d) Thời hạn sử dụng: 25 năm.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn được lựa chọn:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2016/BXD.

- Thoát nước – Mạng lưới bên ngoài công trình – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2008.

- TCXD 9398-2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.

- Công tác đất: Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012.

- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574-2012.

- TCVN 9115:2012: Kết cấu bê tông và BTCT lắp ghép – Quy phạm thi công và nghiệm thu.

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-05.

- Quy trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu các lớp kết cấu áo đường bằng cấp phối thiên nhiên TCVN 8857-2011.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: **60.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng sau thuế: 48.950.099.274 đồng.

- Chi phí quản lý dự án: 951.856.930 đồng.

- Chi phí tư vấn xây dựng: 3.192.922.933 đồng.

- Chi phí khác: 578.807.583 đồng.

- Chi phí dự phòng: 6.326.313.280 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2021-2024.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Toàn bộ diện tích đất đầu tư thuộc đất hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành II, không có giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư.

14. Các thông tin khác: Không có.

(Kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định tại Văn bản số 515/BQL-QHXDTNMT ngày 23/4/2021)



Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh có trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành, tổ chức thực hiện Dự án theo các nội dung đã nêu tại Điều 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT;
- LĐVP, P. KT, TH;
- Lưu: VT (NN-01KKT^{29/4})

